

Bản án số: **01/2018/KDTM-ST**

Ngày: 19/3/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Trưởng

2. Bà Lê Thị Lễ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại TAND huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017, về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Ngọc P, sinh năm 1979

Trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Vợ chồng bà Trần Thị T, sinh năm 1977, ông Đoàn Văn T, sinh năm 1973; Đồng trú: Thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Ngọc P- Hộ kinh doanh P trình bày: Vào năm 2016, hộ kinh doanh P do ông Phạm Ngọc P làm đại diện có thỏa thuận với vợ chồng bà Trần Thị T và ông Đoàn Văn T về việc mua bán thức ăn gia cầm. Theo thỏa thuận, hộ kinh doanh ông P giao thức ăn chăn nuôi gà và bên vợ chồng bà T, ông T nhận hàng sau khi đã kiểm tra hàng. Đối với từng lứa gà (gà con, gà lứa và gà lớn) thì mỗi loại thức ăn khác nhau và các bên thỏa thuận sẽ thanh toán gỏi đầu, cuối mỗi lứa gà khi xuất chuồng sẽ thanh toán tiền đủ. Vào ngày 01/10/2016 hộ kinh doanh ông P tiến hành giao hàng như thỏa thuận, đến ngày 22/02/2017 ông P ngưng cung cấp cám vì vợ chồng bà T, ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán và nhiều lần ông P yêu cầu vợ chồng bà T, ông T trả nợ nhưng vợ chồng bà T, ông T không thực hiện.

Vào ngày 24/02/2017, ông P đã gặp và yêu cầu vợ chồng bà T, ông T thỏa thuận thanh toán trả nợ, khi đó bà T đã viết và ký giấy cam kết trả nợ cho hộ kinh doanh ông P, với số lượng cám 421 bao, tổng số tiền 121.500.000đ, hạn đến ngày 24/3/2017 trả hết nợ và lãi suất 0,9%/tháng. Tuy nhiên đến hạn vợ chồng bà T, ông T không thanh toán tiền như đã cam kết. Tuy nhiên, sau đó vào tháng 4, 5, 6 năm 2017 vợ chồng bà T, ông T đã trả cho ông P 03 lần tổng cộng là 65.000.000đ, còn nợ lại 56.500.000đ và hai bên có thỏa thuận lại bằng miệng hạn đến ngày 20/10/2017 sẽ trả dứt điểm khoản nợ còn lại nêu trên, nhưng đến nay vợ chồng bà T, ông T không trả nợ theo thỏa thuận. Tại phiên tòa, ông Phạm Ngọc P yêu cầu vợ chồng bà T, ông T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 56.500.000đ và lãi suất 0,9%/tháng tính từ ngày 24/3/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 19/3/2018 với số tiền hơn 6.000.000đ nhưng lấy tròn 6.000.000đ, còn đối với số tiền 65.000.000đ vợ chồng bà T đã trả vào tháng 4, 5, 6/2017 ông P không yêu cầu phải trả lãi theo thỏa thuận. Tổng cộng số tiền gốc và lãi ông P yêu cầu vợ chồng bà T, ông T phải trả là 62.500.000đ. Về thời hạn trả nợ yêu cầu phải trả ngay.

Tại bản trình bày vào ngày 06/12/2017 bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Vợ chồng bà T có mua cám của ông P để chăn nuôi gà, số tiền nợ lúc đầu khoảng trên một trăm triệu, đã trả dần nay còn nợ lại 56.000.000đ. Lý do chậm trả nợ cho ông P là vì gà bị dịch bệnh, chăn nuôi thua lỗ nên chưa có tiền để trả nợ. Nay ông P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T phải trả số nợ 56.500.000đ về khoản tiền nợ mua bán cám thì đồng ý, nhưng xin không trả tiền lãi và xin được trả dần. Nhiều lần bà T nhận được giấy triệu tập của Tòa cho vợ chồng bà, để tham gia phiên hòa giải và xét xử, vì ông T bận công việc phải đi làm ăn xa nên chỉ có mình bà đến Tòa, bà T có thông báo cho ông T biết việc ông P khởi kiện yêu cầu trả nợ và ông T báo lại thống nhất đồng ý trả số tiền 56.500.000đ cho ông P.

Tòa án nhân dân huyện P đã triệu tập họp lệ bị đơn để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc P, buộc vợ chồng bà Trần Thị T và ông Đoàn Văn T phải trả cho ông Phạm Ngọc P số tiền 62.500.000đ (trong đó tiền nợ gốc 56.500.000đ và tiền lãi 6.000.000đ). Về án phí vợ chồng ông T, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện P đã nhiều lần triệu tập họp lệ bị đơn vợ chồng bà Trần Thị T, ông Đoàn Văn T để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân có đăng ký kinh doanh với cá nhân và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ

luật tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện P giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3]Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua thức ăn để chăn nuôi gà còn nợ nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là đúng với quy định của pháp luật.

[4]Về nội dung vụ án:

Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tranh luận tại phiên tòa hôm nay bên nguyên đơn ông phạm Ngọc P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vợ chồng bà T, ông T phải trả số tiền nợ 56.500.000đ và lãi suất 0,9%/tháng với số tiền lãi 6.000.000đ, tổng cộng 62.500.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo lời khai của bên nguyên đơn vào năm 2016-2017 vợ chồng bà T, ông T có mua thức ăn chăn nuôi gà của ông P nhiều đợt với số lượng cám 421 bao, tổng số tiền 121.500.000đ, hạn đến ngày 24/3/2017 trả hết nợ và lãi suất 0,9%/tháng, việc hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi gà giữa hai bên được thể hiện “Giấy cam kết trả nợ” do bà T viết và ký xác nhận, đến thời hạn thanh toán vợ chồng bà T không thực hiện, nhưng sau đó vào tháng 4, 5, 6/2017 vợ chồng bà T đã trả cho ông P 03 đợt với số tiền 65.000.000đ, còn nợ lại 56.500.000đ. Tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng bà T, ông T vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà T có văn bản thừa nhận vợ chồng bà có mua thức ăn chăn nuôi gà của ông P với tổng số tiền nợ nêu trên và còn nợ lại 56.500.000đ, nay bà T đồng ý trả nhưng xin trả nợ dần và xin không trả tiền lãi, còn ông T không đến Tòa, bà T có thông báo việc Tòa triệu tập để hòa giải và xét xử cho ông T biết, ông T cũng thống nhất trả số nợ 56.500.000đ cho ông P.

Hội đồng xét xử, xét thấy việc tính lãi suất của nguyên đơn ông P đối với số nợ còn lại 56.500.000đ với lãi suất 0,9%/tháng, tính từ ngày 24/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/3/2018 là 11 tháng 25 ngày ($56.500.000đ \times 0,9\%/tháng \times 11 tháng 25 ngày = 6.017.250đ$), ông P tính tròn với số tiền 6.000.000đ; đối với số tiền 65.000.000đ vợ chồng bà T đã trả 03 đợt vào tháng 4, 5, 6/2017 thì ông P không yêu cầu phải trả tiền lãi theo như thỏa thuận giữa các bên là có lợi cho bị đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông P đối với vợ chồng bà T, ông T phải trả ngay số tiền nợ gốc 56.500.000đ, tiền lãi 6.000.000đ, tổng cộng 62.500.000đ là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định tại Điều 50 Luật thương mại về nghĩa vụ thanh toán nên cần được chấp nhận. Bên bị đơn vợ chồng bà T xin không trả tiền lãi và xin trả nợ dần là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật; yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 275; Điều 278; Điều 280 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 24; Điều 50 và Điều 55 của Luật thương mại năm 2005.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc P- Hộ kinh doanh P. Buộc bị đơn vợ chồng bà Trần Thị T, ông Đoàn Văn T phải trả cho ông P số tiền 62.500.000đ (sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) (Trong đó tiền nợ gốc 56.500.000đ, tiền lãi 6.000.000đ) về khoản hợp đồng mua bán hàng hóa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vợ chồng bà Trần Thị T, ông Đoàn Văn T phải chịu 3.125.000đ (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Phạm Ngọc P số tiền tạm ứng án phí 1.537.000đ (một triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007783 ngày 13/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND t. Phú Yên;
- VKSND h. Phú Hòa;
- THA h. Phú Hoà;
- Các đường sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thúy Sơn

